CÔNG TY CỔ PHẦN IN HÀNG KHÔNG
200 Nguyễn Sơn - Long Biên - Hà Nội

Mẫu số B01 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/09/2017	1/7/2017
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**57.354.232.050**	**47.121.673.031**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**3.003.686.101**	**5.261.419.309**
1. Tiền	111		3.003.686.101	5.261.419.309
2. Các khoản tương đương tiền	112			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**16.799.464.402**	**18.007.020.548**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		17.940.568.065	20.001.068.499
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		782.203.759	156.076.943
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		231.378.170	266.610.698
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(2.172.078.985)	(2.434.128.985)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		17.393.393	17.393.393
IV. Hàng tồn kho	**140**		**35.263.400.628**	**22.205.628.180**
1. Hàng tồn kho	141		35.263.400.628	22.205.628.180
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**2.287.680.919**	**1.647.604.994**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		34.401.511	67.151.511
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.120.752.110	1.280.133.077
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153		132.527.298	300.320.406
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**18.346.494.013**	**16.995.385.174**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**250.000.000**	**70.000.000**
6. Phải thu dài hạn khác	216		250.000.000	70.000.000
II. Tài sản cố định	**220**		**17.372.943.110**	**16.031.147.612**
1. Tài sản cố định hữu hình	221		17.364.193.121	16.009.897.622
- Nguyên giá	222		75.057.183.591	73.184.963.645
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(57.692.990.470)	(57.175.066.023)
3. Tài sản cố định vô hình	227		8.749.989	21.249.990
- Nguyên giá	228		150.000.000	150.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(141.250.011)	(128.750.010)
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**723.550.903**	**894.237.562**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		723.550.903	894.237.562
Tổng cộng tài sản (270 = 100 + 200)	**270**		**75.700.726.063**	**64.117.058.205**
C - NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**48.804.716.566**	**34.806.543.510**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**48.804.716.566**	**34.806.543.510**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		29.676.235.745	24.750.177.593
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		7.883.053.408	495.234.736
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		34.699.536	43.484.806
4. Phải trả người lao động	314		714.823.473	1.808.973.977
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		676.654.416	679.583.411
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		3.420.708.605	616.090.216

10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		5.700.000.000	5.999.999.915
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		698.541.383	412.998.856
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**26.896.009.497**	**29.310.514.695**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**26.896.009.497**	**29.310.514.695**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		21.419.280.000	21.419.280.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		21.419.280.000	21.419.280.000
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	414		520.378.354	520.378.354
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.135.085.930	767.816.456
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.821.265.213	6.603.039.885
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.459.392.663	4.702.518.264
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.361.872.550	1.900.521.621
Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400)	**440**		**75.700.726.063**	**64.117.058.205**

Lập, ngày 16 tháng 10 năm 2017

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)
Nguyễn Thị Thoan	Ngô Xuân Giảng	Phạm Quang Thiệp

M.S.D.N: 0100108901 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN IN HÀNG KHÔNG Q. LONG BIÊN TP. HÀ NỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN IN HÀNG KHÔNG
Số 200 Đường Nguyễn Sơn, P. Bồ Đề, Q. Long Biên - HN

Mẫu số B 02 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2017 đến ngày 30/09/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý này	Lũy kế từ đầu năm
1	2	3	4	6
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	39.165.458.233	133.801.633.289
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		39.165.458.233	133.801.633.289
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	34.242.324.535	116.125.657.751
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		4.923.133.698	17.675.975.538
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	4.866.768	20.528.774
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	132.669.862	205.163.011
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*			
8. Chi phí bán hàng	25		1.078.949.560	3.017.421.011
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		2.967.695.498	11.478.030.367
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh { 30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		748.685.546	2.995.889.923
11. Thu nhập khác	31		364.839.273	532.028.139
12. Chi phí khác	32		527.952.019	554.821.188
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(163.112.746)	(22.793.049)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		585.572.800	2.973.096.874
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	124.221.871	611.224.324
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		461.350.929	2.361.872.550
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		215	639

Hà Nội, ngày 16 tháng 10 năm 2017

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
Nguyễn Thị Thoan	Ngô Xuân Giảng	Phạm Quang Thiệp

M.S.D.N: 0100108801 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN IN HÀNG KHÔNG Q. LONG BIÊN - TP. HÀ NỘI

CÔNG TY CP IN HÀNG KHÔNG
200 Nguyễn Sơn, Long Biên, Gia lâm - Hà Nội

Mẫu số B 03 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán từ 01/07/2017 đến 30/09/2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/07/2017 đến 30/09/2017	Từ ngày 01/04/2017 đến ngày 30/06/2017
I- Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		52.604.411.729	55.408.517.951
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(45.418.262.362)	(48.592.064.479)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(4.130.387.182)	(6.131.634.550)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(132.669.862)	
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(255.694.842)	(307.764.085)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		20.494.877	403.337.719
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(4.448.219.692)	(5.306.537.945)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**(1.760.327.334)**	**(4.526.145.389)**
II- Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(202.272.727)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khá	22			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.866.768	9.177.866
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**(197.405.959)**	**9.177.866**
III- Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33			
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(299.999.915)	
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**(299.999.915)**	
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	**50**		**(2.257.733.208)**	**(4.516.967.523)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**5.261.419.309**	**11.380.970.497**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	**70**		**3.003.686.101**	**6.864.002.974**

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
Nguyễn Thị Thoan	Ngô Xuân Giảng	Phạm Quang Thiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN IN HÀNG KHÔNG